

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(kèm theo Quyết định số: 296/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	588,19	106,22	138,50	27,55	58,53	89,52	90,57	20,25	57,05
	<i>Trong đó:</i>										
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	10,55	1,23	0,76	0,89		3,70		0,97	3,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	146,06	23,02	21,74	5,70	13,45	43,47	2,88	14,04	21,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	327,35	80,87	109,26	17,93	29,46	41,55	38,21	5,24	4,83
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	11,66		0,50						11,16
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	3,00			3,00					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	87,39	0,30	6,02		15,62		49,15		16,30
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,18	0,80	0,22	0,03		0,80	0,33		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp										
3.	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,47	0,47							

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.